

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2021/DS-ST**.
Ngày: 17-8-2021
V/v: “Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đợi, ông Phan Sỹ Phác

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐST-DS, ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C VN; Địa chỉ: 108 THĐ, quận H, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy B - Trưởng Phòng giao dịch M; Địa chỉ: Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắc Nông, phòng giao dịch M (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1976 và bà Hà Thị P, sinh năm 1977; Địa chỉ: tổ dân phố 5 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắc Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nhận ngày 22 tháng 11 năm 2018 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết thể hiện: Ngày 03/03/2017, Ngân hàng TMCP C VN chi nhánh Đắc Nông và ông Lê Văn T, bà Hà Thị P ký hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 001/2017/3013853081-HĐTD/NHCT506 với các nội dung thỏa thuận cụ thể

như sau: Số tiền vay là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/ năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 01 tháng/01 lần kể từ ngày bắt đầu giải ngân, lãi suất phạt quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Trả nợ gốc 01 lần vào ngày 05/03/2018, trả lãi tiền vay định kỳ 06 tháng/kỳ. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Lê Văn T và bà Hà Thị P đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 68 tờ bản đồ số 42, diện tích 30047m², tọa lạc tại xã NX, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 921150. Các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2017/3013853081/HĐTC và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vay, ông Lê Văn T, bà Hà Thị P đã thanh toán số tiền lãi của 06 tháng đầu tính từ ngày nhận nợ là 24.542.000 đồng, trả vào ngày 06/9/2017.

Khi đến hạn trả nợ gốc vào ngày 05/03/2018, nhưng ông Lê Văn T, bà Hà Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng TMCP C VN đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 06/03/2018.

Ngân hàng TMCP C VN yêu cầu ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải thanh toán tổng số tiền tính đến xét xử ngày 17/8/2021 là: 773.454.528 đồng (*Bảy trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm tư nghìn, năm trăm hai tám đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là: 23.881.611 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm mười một đồng*); lãi quá hạn là: 249.572.917 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng*); ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 001/2017/3013853081-HĐTD/NHCT506. Trường hợp ông Lê Văn T, bà Hà Thị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- **Đối với bị đơn ông Lê Văn T và bà Hà Thị P:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3; Điều 91; Điều 95 Luật

các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C VN tổng số tiền 773.454.528 đồng (*Bảy trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm tư nghìn, năm trăm hai tám đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là: 23.881.611 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm mười một đồng*); lãi quá hạn là: 249.572.917 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng*); ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Trường hợp ông Lê Văn T, bà Hà Thị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Hà Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 5 nay là tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Văn T, bà Hà Thị P đều đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án những vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hợp đồng tín dụng:

Ông Lê Văn T, bà Hà Thị P vay vốn tại Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số: 001/2017/3013853081-HĐTD/NHCT506 với các nội dung thỏa thuận cụ thể như sau: Vay số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ gốc là 05/3/2018, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/

năm (có điều chỉnh), lãi suất phạt quá hạn bằng 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn T, bà Hà Thị P chỉ thanh toán số tiền lãi là 24.542.000 đồng và bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/3/2018. Do đó việc Ngân hàng TMCP C VN khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải thanh toán toàn bộ số nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn giữa Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông và ông Lê Văn T, bà Hà Thị P theo hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử ngày 17/8/2021, cụ thể: Lãi trong hạn là: 23.881.611 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm mười một đồng*); lãi quá hạn là: 249.572.917đ (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng*). Ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 18/8/2021 cho đến khi trả xong nợ.

2.2 Đối với tài sản thế chấp:

2.2.1 Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông và ông Lê Văn T, bà Hà Thị P đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001/2017/3013853081/HĐTC ngày 28/02/2017 thỏa thuận sử dụng tài sản gồm: Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 42, diện tích 30047m² tọa lạc tại xã NX, huyện K, tỉnh Đắk Nông cùng các tài sản gắn liền với đất. Hợp đồng thế chấp được lập đúng hình thức, nội dung và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

2.2.2 Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã xác định “*Vị trí tài sản nhận thế chấp của Ngân hàng TMCP C VN trên thực địa đúng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 42; thửa đất nêu trên nằm trong diện thu hồi xây dựng công trình thủy điện Đắk Sôr 2, diện tích thu hồi khoảng 3.775,7m² theo Thông báo số 247 ngày 25/07/2019*”. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành thu thập chứng cứ liên quan đến việc thu hồi đất đối với thửa đất đang thế chấp. Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2021 giữa Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil và Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện K (đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện K giao nhiệm vụ cung cấp thông tin cho Tòa án) thể hiện:

“1. Tại thời điểm xác minh, UBND huyện K đã ban hành các Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Thủy điện Đăk Sôr 2. Trong các quyết định thu hồi đất đã ban hành không có trường hợp nào thu hồi đất đối với ông Lê Văn T và bà Hà Thị P có địa chỉ tại tổ dân phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

2. Ngày 25-01-2020, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ dự án Thủy điện Đăk Sôr 2.

3. Tại phụ biểu “Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Thủy điện Đăk Sôr 2 kèm theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 25-02-2021 của UBND huyện K thì không có tên ông Lê Văn T và bà Hà Thị P trong danh sách được bồi thường, hỗ trợ dự án.

4. Theo giấy xác nhận thông tin thửa đất thu hồi do UBND xã NX, huyện K lập xác định thửa đất số 68 tờ bản đồ số 42 không thuộc danh sách các thửa đất thu hồi; đối với các thửa đất chưa được đo đạc thì người sử dụng đất đều không phải là ông Lê Văn T và bà Hà Thị P.

5. Đối với trường hợp ông Bùi Duy K thì thửa đất được thu hồi là thửa đất số 08 tờ bản đồ số 63 tọa lạc tại xã LS, huyện M, tỉnh Đắk Nông”

Như vậy, thửa đất số 68 tờ bản đồ số 42, diện tích 30047m², tọa lạc tại xã NX, huyện K mà bị đơn đã thế chấp không thuộc diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án Thủy điện Đăk Sôr 2 theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND huyện K về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường hỗ trợ dự án Thủy điện Đăk Sôr 2.

3. Đối với ông Lê Văn T, bà Hà Thị P mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.938.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.100.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm nghìn đồng*)

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn T, bà Hà Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C VN đối với bị đơn ông Lê Văn T, bà Hà Thị P.

1. Buộc ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải trả cho Ngân hàng TMCP C VN tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/8/2021) là 773.454.528 đồng (*Bảy trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm tư nghìn, năm trăm hai tám đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), lãi trong hạn là: 23.881.611 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm mười một đồng*); lãi quá hạn là: 249.572.917 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm mười bảy đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/8/2021) ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Lê Văn T, bà Hà Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C VN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 68, tờ bản đồ số 42, diện tích 30047m², tọa lạc tại xã NX, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 921150 mang tên ông Lê Văn T, bà Hà Thị P để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Ông Lê Văn T, bà Hà Thị P phải nộp: 34.938.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.100.000 đồng (*Mười ba triệu một trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003271 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Văn T, bà Hà Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C VN, chi nhánh Đắk Nông số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh